

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
40 - PHẠM HỒNG THÁI - THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÍ 3 NĂM 2011

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

2- Lĩnh vực kinh doanh : Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610). Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (1629). Sản xuất giấy nhẵn, bì nhẵn, bao bì từ giấy và bì (1702). Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì (17090). In ấn (18110). Dịch vụ liên quan đến in (18120). Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (46491). Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493). Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh (46494). Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495). Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496). Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497). Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498). Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499). Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510). Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520). Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (46594). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599). Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692). Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699). Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719). Bán lẻ lương thực (47210). Bán lẻ thực phẩm (4722). Bán lẻ đồ uống (47230). Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741). Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420). Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752). Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759). Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610). Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620). Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630). Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640). Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da (4771). Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773). Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910). Bán lẻ hình thức khác (47990). Xuất bản sách (58110). Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130). Xuất bản phần mềm (58200). Lập trình máy vi tính (62010). Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020). Photo, chuẩn bị tài liệu (82191). Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199). Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110). Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120). Đại lý internet.

3- Ngành nghề kinh doanh : Thương mại, dịch vụ và sản xuất.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1- Kỳ kế toán năm bắt đầu từ 01-01-2011 kết thúc vào ngày 31-12-2011

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt nam

III-Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1- Chế độ kế toán áp dụng : Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt nam

2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt nam

Công ty tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

3- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký sổ cái

IV - Các chính sách kế toán áp dụng:

1- Nguyên tắc xác định các khoản tiền :

-Tiền mặt căn cứ vào sổ quỹ của kế toán và biên bản kiểm quỹ vào thời điểm khóa sổ 30/09/2011

-Tiền gửi ngân hàng căn cứ vào sổ quỹ của kế toán và bảng đối chiếu số dư của ngân hàng vào ngày 30/09/2011.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

-Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Hàng tồn kho được hạch toán theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng .

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ : Được tính trên giá bìa (hoặc giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bìa (hoặc giá bán)

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kiểm kê định kỳ

-Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ xác định hàng hóa kém, mất chất lượng, chậm luân chuyển hoặc do nhà nước quy định (thay sách giáo khoa)

3-Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư :

-Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính).

Tài sản cố định được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng .

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

- Nguyên giá TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản. Thời gian khấu hao ước tính cho một nhóm tài sản như sau :

-Nhà cửa,vật kiến trúc 4- 25 năm ; - Máy móc thiết bị 3- 8 năm-Phương tiện vận tải 6-8 năm

-Thiết bị quản lý 3-4 năm ; -Phần mềm quản lý nhà sách 3 năm .

4-Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư :

5-Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

6-Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

7-Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

8-Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả cuối kỳ gồm các khoản chiết khấu thương mại cho người mua , chiết khấu thanh toán được trích theo kế hoạch, khoản hao hụt, mất mát được trích theo quy chế .

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả .

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm trích 3% trên tổng quỹ tiền lương

Quỹ khen thưởng, phúc lợi lần lượt trích theo tỷ lệ 10% và 3% trên lợi nhuận sau thuế được xem là khoản phải trả (theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính).

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch lớn hơn giữa giá bán cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu. Trong tương lai nó sẽ được chia cho cổ đông của công ty bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông với một tỷ lệ nhất định.

+ Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự phòng tài chính được trích 5% trên lợi nhuận sau thuế.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa .

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản chiết khấu thanh toán được nhận từ các hợp đồng, lãi bán hàng trả chậm, lãi tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính khác (nếu có) .

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính .

Chi phí tài chính được trích theo kế hoạch đối với khoản doanh thu về chiết khấu thanh toán, theo hợp đồng đối với lãi bán hàng trả chậm và các khoản khác theo qui định .

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại .

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái .

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh :

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
1- Tiền		
- Tiền mặt	132,213,303	132,143,711
- Tiền gửi ngân hàng	879,947,137	219,361,842
- Tiền đang chuyển		
Cộng	1,012,160,440	351,505,553
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng	-	-
3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu về cổ phần hóa		-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		-
- Phải thu người lao động		-
- Phải thu khác	36,284,000	43,964,000
Cộng	36,284,000	43,964,000
4- Hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi trên đường		-
- Nguyên liệu, vật liệu	1,112,500,230	1,490,248,575
- Công cụ, dụng cụ		-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		-
- Thành phẩm	370,659,000	540,605,000
- Hàng hóa	13,168,420,263	24,343,469,821
- Hàng gửi đi bán		-
- Hàng hóa kho bảo thuế		-
- Hàng hóa bất động sản		-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	14,651,579,493	26,374,323,396
* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả		
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ		
* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	30,904,180	45,279,578
5-Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa(cá nhân)		
- Các khoản khác phải thu nhà nước		
Cộng	-	-

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
6- Phải thu dài hạn nội bộ		
- Cho vay dài hạn nội bộ		
- Phải thu dài hạn nội bộ khác		

Cộng		
7 - Phải thu dài hạn khác		
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		-
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Cho vay không có lãi		
- Phải thu dài hạn khác		
Cộng	-	-

8 - Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính : Đồng

khoản MỤC	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dung cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ HH					
Số dư đầu kỳ	5,737,846,371	453,322,309	642,493,706	1,198,668,785	8,032,331,171
- Mua trong kỳ					-
-Đầu tư XD CB h-thành					-
-Tăng khác					-
-Chuyển sang BĐS đ-tư					-
-Thanh lý, nhượng bán					-
-Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	5,737,846,371	453,322,309	642,493,706	1,198,668,785	8,032,331,171
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ	1,732,687,370	371,465,335	628,073,445	944,313,017	3,676,539,167
-Khấu hao trong kỳ	88,377,788	3,980,010	7,210,080	19,993,958	119,561,836
-Tăng khác					
-Chuyển sang BĐS đ-tư					-
-Thanh lý, nhượng bán					-
-Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	1,821,065,158	375,445,345	635,283,525	964,306,975	3,796,101,003
Giá trị còn lại của TSCĐ					
-Tại ngày đầu kỳ	4,005,159,001	81,856,974	14,420,261	254,355,768	4,355,792,004
-Tại ngày cuối kỳ	3,916,781,213	77,876,964	7,210,181	234,361,810	4,236,230,168

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 1.475.096.243 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã thanh lý :
- Cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai :

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình : Tài sản đã khấu hao hết chuyển sang công cụ, dụng cụ.

10 - Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính : Đồng

khoản MỤC	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH				
	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Lợi thế thương mại khi CPCT	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	2,054,555,000			130,670,000	2,185,225,000
-Mua trong kỳ					-
-Tạo ra từ nội bộ DN					-
-Tăng do hợp nhất KD					-
-Tăng khác					-
-Thanh lý, nhượng bán					-
-Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	2,054,555,000			130,670,000	2,185,225,000
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ				18,170,000	18,170,000
-Khấu hao trong năm		-	-	3,750,000	3,750,000
-Tăng khác					
-Thanh lý, nhượng bán					
-Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	21,920,000	21,920,000
Giá trị còn lại của TSCĐ					-
-Tại ngày đầu kỳ	2,054,555,000	-	-	112,500,000	2,167,055,000
-Tại ngày cuối kỳ	2,054,555,000	-	-	108,750,000	2,163,305,000

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác :

- Nguyên giá TSCĐ vô hình (phần mềm kế toán) đã khấu hao hết nhưng chưa thanh lý : 10.670.000đ

	Cuối năm	Đầu năm
11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
-Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14,954,545	14,954,545
Trong đó: Những công trình lớn		
+ Công trình Siêu thị văn hoá Đông Hồ	14,954,545	14,954,545
+ Công trình		
12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư :		

13- Đầu tư dài hạn khác :	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a- Đầu tư vào công ty con				
b- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
c- Đầu tư dài hạn khác:	48,737	610,370,000	48,737	610,370,000
- Đầu tư cổ phiếu	48,737	610,370,000	48,737	610,370,000
- Đầu tư trái phiếu				
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu				
- Cho vay dài hạn				
Cộng	48,737	610,370,000	48,737	610,370,000
14- Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ				
- Chi phí thành lập doanh nghiệp				
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn				
- Chi phí khác		775,649,589		839,531,047
Cộng		775,649,589		839,531,047
15- Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
- Vay ngắn hạn		700,000,000		11,487,277,352
- Nợ dài hạn đến hạn trả		60,000,000		120,000,000
Cộng		760,000,000		11,607,277,352
16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
- Thuế GTGT		446,550,010		90,377,899
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt				-
- Thuế Xuất, nhập khẩu				-
- Thuế TNDN		916,629,746		420,057,938
- Thuế thu nhập cá nhân		15,868,028		106,000,667
- Thuế Tài nguyên				-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất				-
- Các loại thuế khác				-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản nộp khác				-
Cộng		1,379,047,784		616,436,504
17- Chi phí phải trả	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
- Trích trước CP tiền lương theo kế hoạch				
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ				
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh				
- Các khoản chi phí khác		643,459,664		645,252,529
Cộng		643,459,664		645,252,529
18- Các khoản phải trả ,phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
- Tài sản thừa chờ giải quyết				137,472,946

- Kinh phí công đoàn		73,088,568	68,930,237
- Bảo hiểm xã hội		83,784,904	37,544,637
- Bảo hiểm y tế		24,462,327	14,787,816
- Bảo hiểm thất nghiệp		10,872,136	5,081,444
- Nhận ký quỹ , ký cược ngắn hạn			-
- Doanh thu chưa thực hiện			-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		72,165	72,165
Cộng		192,280,100	263,889,245
19- Phải trả dài hạn nội bộ			
- Vay dài hạn nội bộ			
- Phải trả dài hạn nội bộ khác			
Cộng			
20- Vay và nợ dài hạn			
a- Vay dài hạn		420,000,000	420,000,000
- Vay ngân hàng		420,000,000	420,000,000
- Vay đối tượng khác			
- Trái phiếu phát hành			
b- Nợ dài hạn		-	-
- Thuê tài chính			
- Nợ dài hạn khác			
Cộng		420,000,000	420,000,000

c- Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Năm nay			
-Tổng khoản TT-TT-TC			
- Trả tiền lãi thuê			
-Trả nợ gốc			
Năm trước			
-Tổng khoản TT-TT-TC			
- Trả tiền lãi thuê			
-Trả nợ gốc			

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại :	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		

- khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ những năm trước

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế

- khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của CSH (Thặng dư VCP)	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	12,310,600,000	552,400,000	548,952,713		4,005,807,944
- Tăng vốn trong năm trước					
- Lãi trong năm trước			154,253,993		3,093,672,356
-Tăng khác					
-Giảm vốn trong năm trước					
-Lỗ trong năm trước					
-Giảm khác					- 3,085,079,856
Số dư cuối năm trước -Số dư đầu năm nay	12,310,600,000	552,400,000	703,206,706	-	4,014,400,444
- Tăng vốn trong năm nay					
- Lãi trong năm nay			155,955,469		1,978,858,882
-Tăng khác					
-Giảm vốn trong năm nay					
Lỗ trong năm nay					
-Giảm khác					- 1,969,720,000
Số dư cuối năm nay	12,310,600,000	552,400,000	859,162,175	-	4,023,539,326
b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			Cuối năm	Đầu năm	
- Vốn góp của nhà nước			2,462,000,000	2,462,000,000	
- Vốn góp của các đối tượng khác			9,848,600,000	9,848,600,000	
-					
Cộng			12,310,600,000	12,310,600,000	
* Giá trị trái phiếu đã trở thành cổ phiếu trong năm					
* Số lượng cổ phiếu quỹ					
c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			Năm nay	Năm trước	
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			12,310,000,000	12,310,000,000	

+ Vốn góp đầu năm	
+ Vốn góp tăng trong năm	
+ Vốn góp giảm trong năm	
+ Vốn góp cuối năm	
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2,462,120,000
d- Cổ tức	
- Cổ tức đã công bố sau ngay kết thúc kỳ kế toán năm	20%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	20%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	
-Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	

d- Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1,231,060	1,231,060
+ Cổ phiếu phổ thông	1,231,060	1,231,060
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,231,060	1,231,060
+ Cổ phiếu phổ thông	1,231,060	1,231,060
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10,000	10,000
e- Các quỹ của doanh nghiệp		
- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ dự phòng tài chính	859,162,175	766,815,397
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	378,758,947	192,704,724
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (quỹ trợ cấp mất việc)	165,177,152	165,177,152
Cộng	1,403,098,274	1,124,697,273

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể .

23-Nguồn kinh phí	Năm nay	Năm trước
24- Tài sản thuê ngoài	Cuối năm	Đầu năm
VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm nay	Năm trước

25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37,626,577,891	33,862,871,802
- Doanh thu bán hàng hóa	37,559,026,601	33,749,560,722
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu nội bộ	67,551,290	113,311,080
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	980,801,790	185,864,241
Trong đó :		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	980,801,790	185,864,241
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		

27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ . Trong đó :	36,645,776,101	33,677,007,561
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hóa	36,578,224,811	33,563,696,481
- Doanh thu thuần nội bộ	67,551,290	113,311,080
28- Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	26,809,055,596	25,278,069,232
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1,232,765,980	1,021,080,614
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Giá trị còn lại chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư đã bán		
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư		
- Hao hụt mất mát hàng tồn kho		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	30,904,180	29,593,254
Cộng	28,072,725,756	26,328,743,100

29- Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7,993,410	8,284,782
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		15,000,000
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		27,248,271
Cộng	7,993,410	50,533,053
30- Chi phí tài chính		

- Lãi tiền vay	293,145,676	145,974,789
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		2,046,203
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	293,145,676	148,020,992
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	615,645,185	467,091,072
- Điều chỉnh thuế thu nhập DN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập DN hiện hành năm nay		
Cộng	615,645,185	467,091,072

	Năm nay	Năm trước
32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại		
Cộng		

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

34- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

VIII- Những thông tin khác

* Trong kỳ đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 14.375.398 đồng. Giá trị dự phòng

giảm giá hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là 30.904.180 đồng.

* Trong kỳ đã thanh toán xong phần cổ tức năm 2010 của vốn nhà nước số tiền 492.400.000đ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 12 tháng 10 năm 2011

Giám Đốc

Nguyễn Thùy Linh

Lâm Nhật Minh

Nguyễn Hùng Dũng